

ごみの収集日と分け方・出し方

Ngày giờ và cách phân loại rác

ごみは、下の「収集日地区割一覧」の地区で、決まった曜日に集めます。住んでいる地区の集める日確かめて、午前9時までに決められた場所に出してください。

Ngày đổ rác được quy định theo từng khu vực trong bảng phía dưới. Hãy tìm hiểu về ngày đổ rác của địa phương và đổ rác tại nơi quy định trước 9:00 sáng.



箕面市のごみは、以下の項目に分けます Thành phố Minoh quy định rác theo các mục dưới đây.

1 燃えるごみ …生ごみ、ビニール袋、シャンプーの容器など。 「燃えるごみ専用袋」に入れて出してください。 Rác cháy …rác sinh hoạt, bao nylon, bình dầu gội đầu .v.v.. Lúc bỏ cần phải cho vào bao dành cho rác cháy.	
2 かん …缶詰、ビールやジュースの缶など。 びん …ジャムや飲料のびんなど。 袋には入れません。かごに入れて出してください。 Lon …lon đồ hộp, lon bia, lon nước ngọt .v.v.. Chai thủy tinh …chai mứt, chai nước .v.v.. Lúc bỏ không dùng bao chuyên dụng mà bỏ riêng vào một cái thùng.	
3 不燃ごみ(燃えないごみ) …なべ、ガラス、化粧品 のびん、小型家電など。「燃えないごみ専用袋」に入れて出してください。 危険ごみ … ・カセット式ガスボンベ・スプレー缶…袋には入れません。かごに入れて出してください。 ・ライター、乾電池…透明の袋に入れて出してください。 ・蛍光灯…取り替えた後に出た空き箱に入れて出してください。 Rác không cháy … nồi, ly thủy tinh, chai nước trang điểm, đồ điện gia dụng .v.v.. Lúc bỏ cần phải cho vào bao dành cho rác không cháy. Rác nguy hiểm … Bình ga・bình xịt … lúc bỏ không dùng bao chuyên dụng mà bỏ riêng vào một cái thùng. Bột lửa, pin … bỏ vào bao túi trong. Bóng đèn điện … bỏ vào hộp vừa đựng bóng mới thay.	
4 大型ごみ …たんす、ソファ、扇風機など。 スーパーなどで「大型ごみ処理券」を買って、貼って出してください。 Rác lớn …tủ đựng đồ, bàn ghế, máy quạt .v.v.. Lúc bỏ cần dán "phiếu xử lý rác lớn" được mua tại các siêu thị.	
5 ペットボトル …リサイクルマークがついたペットボトルは、袋には入れません。かごに入れて出してください。 Chai nhựa …chai nhựa có gắn nhãn tái sử dụng không cần cho vào bao chuyên dụng lúc bỏ rác mà hãy bỏ riêng vào một cái hộp.	

収集日地区割一覧 Danh sách ngày thu		収集日 Ngày thu gom		
収集地区	Khu vực	1 燃えるごみ Rác cháy	2 かん・びん Lon, Chai lọ	3-5 不燃ごみ・危険ごみ・大型ごみ・ペットボトル Chai nhựa・Rác không cháy・Rác nguy hiểm・Rác lớn
瀬川・半町	Segawa・Hanjo	毎週月曜日・木曜日 Thứ hai và thứ năm mỗi tuần	第1・3水曜日 Thứ tư các tuần thứ nhất và thứ ba trong tháng	第1・3火曜日 Thứ ba các tuần thứ nhất và thứ ba trong tháng
桜井・桜	Sakurai・Sakura			第1・3金曜日 Thứ sáu các tuần thứ nhất và thứ ba trong tháng
桜ヶ丘・新稲	Sakuragaoka・Niina			第2・4火曜日 Thứ ba các tuần thứ hai và thứ tư trong tháng
白鳥・石丸・西宿・今宮・船場東・小野原西	Hakunoshima・Ishimaru・Nishijuku・Imamiya・Semba-higashi・Onohara-nishi			第2・4水曜日 Thứ tư các tuần thứ hai và thứ tư trong tháng
外院・薬生外院・薬生新家・彩都要生北・彩都要生南	Gein・Aogein・Aoshinke・Saitoao-kita・Saitoao-minami	毎週火曜日・金曜日 Thứ ba và thứ sáu mỗi tuần	第2・4水曜日 Thứ tư các tuần thứ hai và thứ tư trong tháng	第2・4金曜日 Thứ sáu các tuần thứ hai và thứ tư trong tháng
百楽荘・牧落・稲	Hyakurakuso・Makiochi・Ina			第1・3月曜日 Thứ hai các tuần thứ nhất và thứ ba trong tháng
箕面・箕面公園・温泉町・西小路	Minoh・Minoh-koen・Onsencho・Nishishoji			第1・3水曜日 Thứ tư các tuần thứ nhất và thứ ba trong tháng
如意谷・坊島・萱野・船場西	Ngoidani・Bonoshima・Kayano・Semba-nishi			第1・3木曜日 Thứ năm các tuần thứ nhất và thứ ba trong tháng
薬生間谷西・薬生間谷東・大字薬生間谷	Aomadani-nishi・Aomadani-higashi・Ooaza-aomadani	毎週火曜日・金曜日 Thứ ba và thứ sáu mỗi tuần	第2・4水曜日 Thứ tư các tuần thứ hai và thứ tư trong tháng	第2・4月曜日 Thứ hai các tuần thứ hai và thứ tư trong tháng
小野原東・森町中・森町北・森町南・森町西・上止々呂美・下止々呂美	Onohara-higashi・Shimmachi-naka・Shimmachi-kita・Shimmachi-minami・Shimmachi-nishi・Kami-todoromi・Shimo-todoromi			第2・4木曜日 Thứ năm các tuần thứ hai và thứ tư trong tháng

詳しくはこちら Mọi chi tiết xin tham khảo

・ごみガイド Hướng dẫn về rác

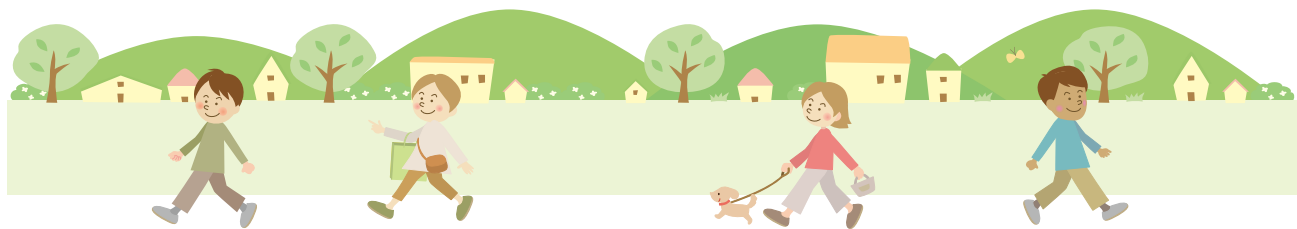
<https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/garbage.html>

・「燃えるごみ専用袋」は、1年ごとに一緒に住んでいる人の数で決められた枚数を無料でもらうことができます。(毎年8月に燃えるごみ専用袋引換券を郵送します。)
Bao rác cháy sẽ được phát miễn phí hằng năm tùy theo số lượng quy định cho mỗi gia đình. Phiếu đổi bao rác cháy sẽ được gửi cho bạn vào tháng tám hằng năm.

・「燃えないごみ専用袋」「大型ごみ処理券」は有料です。スーパーなどで買うことができます。
“Bao rác không cháy” “phiếu xử lý rác lớn” có thể mua tại các siêu thị.

問い合わせ:環境整備室 072-729-2371 Liên lạc :Phòng quản lý môi trường sdt : 072-729-2371

ようこそ! 箕面市へ Thành phố Minoh hân hạnh chào đón!



目次

多言語で相談できる窓口	1
子どもを産むとき、育てるとき	2
地震や台風、大雨などに備える	3～4
「救急・医療あんしんカード」を準備しておこう	5
健康で安心して暮らすために	6
ごみの収集日と分け方・出し方	7

Mục lục

Cửa sổ tư vấn đa ngôn ngữ	1
Sinh sản, giáo dục con trẻ	2
Dự phòng động đất, bão, mưa lớn...	3～4
Chuẩn bị “Thẻ cấp cứu an toàn y tế”	5
Sống vui sống khỏe	6
Ngày giờ và cách phân loại rác	7

緊急連絡先 Điện thoại lúc khẩn cấp

・警察 ☎110 事故・犯罪 (24時間)
・消防 ☎119 火事・救急(病気・けが) (24時間)
・箕面市国際交流協会 (MAFGA)
☎072-727-6912 (月曜休館)

・Gọi cảnh sát ☎110 trường hợp có tai nạn, tội phạm (24giờ)
・Gọi phòng nạn ☎119 trường hợp có hỏa hoạn, cấp cứu (bệnh, chấn thương) (24giờ)
・Hiệp hội giao lưu quốc tế (MAFGA) ☎072-727-6912 (nghỉ thứ hai hằng tuần)

ライフラインの情報 Thông tin về mạch sinh hoạt

引越しなどで、使い始めるとき・使うのをやめるときには連絡が必要です。
・電気 (関西電力) ☎0800-777-8810
<https://kepc.co.jp>
・ガス (大阪ガス) ☎0120-5-94817
<https://home.osakagas.co.jp>
・水道 (箕面市上下水道局)
☎072-724-6756

Lúc chuyển cư, cần phải liên lạc trước khi sử dụng hoặc thôi không sử dụng nữa.

・Điện (Cty điện lực Kansai) ☎0800-777-8810
<https://kepc.co.jp>
・Gas (Cty gas Osaka) ☎0120-5-94817
<https://home.osakagas.co.jp>
・Nước (Cục đường nước TP Minoh) ☎072-724-6756



日本語教室について Lớp Nhật ngữ

箕面市には、日本語教室があります。
無料です。時間は、平日のお昼・夜、週末で、教室によって違います。
詳しくはホームページをご覧ください。
https://mafga.or.jp/ability/individual/ab_ja/

Thành phố có lớp dạy Nhật ngữ. Lớp học hoàn toàn miễn phí.
Thời gian học vào buổi trưa, chiều tối hoặc cuối tuần tùy mỗi lớp.
Mọi chi tiết xin tham khảo qua website.

https://mafga.or.jp/ability/individual/ab_ja/

もっと詳しく知りたい場合は、「みのお生活ガイド」(英語とやさしい日本語)をご覧ください。
<https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jcontents.html>

Mọi chi tiết xin tham khảo “Hướng dẫn cuộc sống Minoh” (bản tiếng Anh và tiếng Nhật đơn giản)
<https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jcontents.html>

多言語で相談できる窓口

Cửa sổ tư vấn đa ngôn ngữ

生活の相談

箕面市立多文化交流センター

■火～日 ■9:00 ～ 17:00 ■箕面市小野原西 5-2-36

■電話：072-727-6912（日本語／英語） ■無料

■メール：soudan@mafga.or.jp ■https://mafga.or.jp/

■対応言語：日本語、英語、中国語、韓国・朝鮮語、ポルトガル語

■受付方法：電話、メール、来館

在留資格についての相談

外国人在留総合インフォメーションセンター

（出入国在留管理庁）

■月～金 ■8:30 ～ 17:15 ■電話：0570－013904

■無料 ■メール：info-tokyo@i.moj.go.jp（日本語／英語）

■http://www.immi-moj.go.jp/info/

■対応言語：日本語、英語、中国語、韓国・朝鮮語、スペイン語

■受付方法：電話、メール、来館

仕事についての相談

大阪外国人雇用サービスセンター

（ハローワーク大阪）

■月～金 ■10:00 ～ 18:00 ■電話：06-7709-9465 ■無料

■https://jsite.mhlw.go.jp/osaka-foreigner/

■対応言語：英語、中国語、ポルトガル語 月～金 13:00～18:00

スペイン語 火・木 13:00～18:00

（その他の時間は日本語のみ）

■受付方法：電話、来館

法律相談

法テラス

■月～金 ■9:00 ～ 17:00 ■電話：0570-078377 ■無料

■https://www.houterasu.or.jp/multilingual/index.html

■対応言語：日本語、英語、中国語、韓国・朝鮮語、スペイン語、

ポルトガル語、ベトナム語、タガログ語、タイ語、ネパール語

■受付方法：電話

女性のための相談

大阪府女性相談センター

■月～金 ■9:00 ～ 17:30 ■電話：06-6949-6181 ■無料

■http://www.pref.osaka.lg.jp/joseisodan/

■対応言語：日本語、英語、中国語、韓国・朝鮮語、スペイン語、

ポルトガル語、ベトナム語、フィリピン語、インドネシア語、

タイ語、ネパール語

■受付方法：電話

メンタルヘルスの相談

TELL Lifeline

■月～日 ■9:00 ～ 23:00 ■電話：03-5774-0992 ■無料

■https://telljp.com/

■対応言語：日本語、英語

■受付方法：電話

Tư vấn về cuộc sống

Trung tâm giao lưu văn hóa Minoh

■ từ thứ ba đến chủ nhật ■ lúc 9:00 đến 17:00

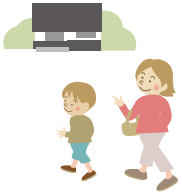
■ 5-2-36, Onohara-nishi, TP Minoh, Osaka

■ Sdt: 072-727-6912（tiếng Nhật / tiếng Anh） ■ Miễn phí

■ soudan@mafga.or.jp ■ https://mafga.or.jp/

■ Ngôn ngữ: tiếng Nhật, Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc-Triều Tiên, Bồ Đào Nha

■ Phương thức tư vấn: gọi điện, gửi mail hoặc đến trực tiếp văn phòng



Tư vấn về tư cách lưu trú

Trung tâm hỏi đáp các vấn đề về cư trú (Tổng cục quản lý xuất nhập cảnh)

■ từ thứ hai đến thứ sáu ■ lúc 8:30 đến 17:15 ■ Sdt: 0570-013904

■ info-tokyo@i.moj.go.jp（tiếng Nhật / tiếng Anh） ■ Miễn phí

■ http://www.immi-moj.go.jp/info/

■ Ngôn ngữ: tiếng Nhật, tiếng Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc-Triều Tiên, Tây Ban Nha

■ Phương thức tư vấn: gọi điện, gửi mail hoặc đến trực tiếp văn phòng



Tư vấn công việc

Trung tâm tư vấn việc làm cho người ngoại quốc Osaka (Trung tâm tư vấn việc làm Osaka)

■ từ thứ hai đến thứ sáu ■ lúc 10:00 đến 18:00 ■ Sdt: 06-7709-9465 ■ Miễn phí

■ https://jsite.mhlw.go.jp/osaka-foreigner/

■ Ngôn ngữ: tiếng Anh, Trung Quốc, Bồ Đào Nha (từ thứ hai đến thứ sáu, lúc 13:00 đến 18:00)

Tiếng Tây Ban Nha (thứ ba, thứ năm, lúc 13:00 đến 18:00)

(Ngoài các thời gian nói trên chỉ tư vấn bằng tiếng Nhật.)

■ Phương thức tư vấn: gọi điện hoặc đến trực tiếp văn phòng

Tư vấn pháp luật

Houterasu（Trung Tâm hỗ trợ Pháp Luật Nhật Bản）

■ từ thứ hai đến thứ sáu ■ lúc 9:00 đến 17:00 ■ Sdt: 0570-078377 ■ Miễn phí

■ https://www.houterasu.or.jp/multilingual/index.html

■ Ngôn ngữ: tiếng Nhật, Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc-Triều Tiên, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Việt, Tagalog, Thái Lan, Nepal ■ Phương thức tư vấn: gọi điện

Tư vấn cho phụ nữ

Trung tâm tư vấn cho phụ nữ tỉnh Osaka

■ từ thứ hai đến thứ sáu ■ lúc 9:00 đến 17:30 ■ Sdt: 06-6949-6181 ■ Miễn phí

■ http://www.pref.osaka.lg.jp/joseisodan/

■ Ngôn ngữ: tiếng Nhật, Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc-Triều Tiên, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Việt, Indonesia, Thái Lan, Nepal ■ Phương thức tư vấn: gọi điện

Tư vấn tâm lý

TELL Lifeline

■ từ thứ hai đến chủ nhật ■ lúc 9:00 đến 23:00 ■ Sdt: 03-5774-0992

■ Miễn phí ■ https://telljp.com/

■ Ngôn ngữ: tiếng Nhật, Anh ■ Phương thức tư vấn: gọi điện



子どもを産むとき、育てるとき

Sinh sản, giáo dục con trẻ

■問い合わせ 子ども総合窓口 ■電話：072-724-6791

子どものことや、子育てについての相談

<妊娠が分かったら>

妊娠が分かったら、子どもすこやか室で妊娠届を提出し、母子健康手帳と妊婦健康診査受診券を受け取ってください。母子健康手帳は、日本語、英語、中国語、韓国・朝鮮語、スペイン語、ポルトガル語、ベトナム語、タガログ語、インドネシア語、タイ語、ネパール語のがあります。

■https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jpregnancy.html

<赤ちゃんが生まれたら>

出産後、14日以内に出生届を提出してください。出産育児一時金と児童手当を忘れずに請求しましょう。

両親ともに外国籍の場合、出入国在留管理庁で「在留資格の取得」の申請と本国への届出が必要です。

■https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jpost-natal.html

<保育園・幼稚園について>

就学前の子どもは、保育園や幼稚園に通うことができます。

事前の申し込みが必要です。

■https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jeducation.html

<小学校・中学校について>

公立の小中学校では、授業料は無料です。学校でのコミュニケーションのために、通訳者を一定時間依頼することができます。

また、家庭訪問や懇談など、保護者が学校と話すときも通訳を依頼することができます。

■https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jeducation.html

■多言語版 小学校入学準備ガイドブック（大阪府作成）

小学校での生活を始めるときに必要な情報です。

日本語、英語、中国語、韓国・朝鮮語、スペイン語、ポルトガル語、ベトナム語、フィリピン語、タイ語、ロシア語のがあります。

■http://www.pref.osaka.lg.jp/jidoseitoshien/tonitimae/index.html

■多言語による学校生活サポート情報（大阪府作成）

子どもたちの学校での生活や進路を支援し、保護者の不安をなくすための情報です。

日本語、英語、中国語、韓国・朝鮮語、スペイン語、ポルトガル語、ベトナム語、インドネシア語、フィリピン語、タイ語、ネパール語、ロシア語のがあります。

■http://www.pref.osaka.lg.jp/shochugakko/kikokutoniti-sapo/gakkousapo-to.html

<受けることのできる手当・助成>

生まれてから中学校3年生までの子どもを育てている保護者は、児童手当を受けることができます。

高校を卒業する年齢までの子どもは、子ども医療費助成を受けることができます。

■https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jsubsidies.html

<ひとり親家族へのサポート>

ひとり親の家庭は、児童扶養手当を受けることができます。

相談もできます。

■https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jallowance.html

■Liên lạc：Cửa sổ tư vấn trẻ em ■Sdt：072-724-6791

Tư vấn các vấn đề về trẻ em

<Khi biết mang thai>

Khi biết mang thai hãy nộp đơn tại phòng sức khỏe trẻ em của thành phố để được nhận sổ sức khỏe và phiếu khám sức khỏe. Sổ sức khỏe có phiên bản các ngôn ngữ, Nhật, Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc-Triều Tiên, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Việt Nam, Tagalog, Indonesia, Thái Lan, Nepal.

■https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jpregnancy.html



<Khi sinh con>

Khai sinh cho trẻ trong vòng 14 ngày kể từ ngày sinh, và không quên nộp đơn xin thanh toán phí hỗ trợ sinh sản và phụ cấp nhi đồng.

Trường hợp cha mẹ đều mang quốc tịch nước ngoài, hãy đến nộp đơn để xin tư cách lưu trú cho bé tại cục quản lý xuất nhập cảnh.

■https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jpost-natal.html

<Nhà trẻ>

Trước khi bước vào tiểu học, có thể gửi con tại các nhà trẻ, nhưng cần phải đăng ký trước.

■https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jeducation.html

<Tiểu học, trung học cơ sở>

Học phí tại các trường tiểu học trung học cơ sở công lập là hoàn toàn miễn phí. Có thể xin hỗ trợ thông dịch cho trẻ trong quá trình học tập tại trường cũng như cho phụ huynh khi tham gia các buổi họp phụ huynh và những lần giáo viên ghé thăm gia đình.

■https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jeducation.html

■Phiên bản đa ngôn ngữ Sổ tay chuẩn bị cho trẻ nhập tiểu học (ấn bản tỉnh Osaka)

Sổ này có đầy đủ thông tin cần thiết khi sinh hoạt tại trường. Có ấn bản các ngôn ngữ: tiếng Nhật, Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc-Triều Tiên, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Việt Nam, Philipin, Thái Lan, Nga

■http://www.pref.osaka.lg.jp/jidoseitoshien/tonitimae/index.html



■Thông tin hỗ trợ sinh hoạt tại trường (ấn bản tỉnh Osaka)

Bản thông tin này cung cấp các thông tin cần thiết trong quá trình học tập và các hỗ trợ cho học sinh tìm chọn hướng đi sau khi tốt nghiệp.

Có ấn bản các ngôn ngữ: tiếng Nhật, Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc-Triều Tiên, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Việt Nam, Indonesia, Philipin, Thái Lan, Nepal, Nga

■http://www.pref.osaka.lg.jp/shochugakko/kikokutoniti-sapo/gakkousapo-to.html

<Những phụ cấp được nhận>

Phụ huynh có con em từ lúc mới sinh đến hết lớp 9 sẽ được nhận phụ cấp nhi đồng. Trẻ em đến hết tuổi tốt nghiệp trung học phổ thông (lớp 12) sẽ được phụ trợ phí y tế.

■https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jsubsidies.html

<Hỗ trợ gia đình thiếu cha hoặc mẹ>

Các gia đình thiếu cha hoặc mẹ sẽ được nhận trợ cấp phụ dưỡng nhi đồng. Có thể tư vấn lúc cần.

■https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jallowance.html

■問い合わせ：市民安全政策室

■電話：072-724-6750

■https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/seikatsugaido_saigai.html

- 日ごろから備えておくことが大切です
- ・「命のパスポート」を読みましょう

災害のときに、どのように行動すればよいか書いてあります。
https://www.city.minoh.lg.jp/bunka/multilingual_disaster.html

・「箕面市防災マップ」を確認しましょう

自分の住んでいるところが「ハザードエリア」に含まれていないか、避難所はどこにあるのかを確かめておいてください。

・家族や友達と話し合いましょう

自分の家以外の場所にいるときに災害が起きたら、どのように連絡を取り合うか、どこに集まるかなどを決めておいてください。

・3日間の水と食べ物を準備しておきましょう

水：ひとり一日3リットルの飲料水

食べ物：缶詰やレトルト食品など

日頃から多く買って置いておきましょう。古いものから使い、いつも新しい在庫を置いておいてください。

非常持ち出し袋を用意しましょう（下記は一例です）	
☐ 少しの水と食べ物	☐ 懐中電灯・小型ラジオ
☐ 乾電池	☐ ウェットティッシュ
☐ 笛	☐ いつも飲んでる薬
☐ コンタクトレンズ・メガネ	☐ 生理用品
☐ 赤ちゃんの粉ミルク・おむつ	
☐ パスポート、在留カードなど身分証明ができるもの	
☐ 保険証のコピー	☐ 現金

他の人のものでは代わりにならないものや、ないと困るものを入れてください。

災害についての情報がわかります

■箕面市の情報

・タッキー816 みのおエフエム（FM81.6MHz）

・箕面市市民安全メール（対応言語：日本語、英語）
■<http://anzen.minoh.net/>

■LINE（@minohcity）やTwitter(@Minoh_Anzen）でも情報発信しています。（対応言語：日本語）

・市ホームページの緊急情報（対応言語：日本語、英語）
■<https://www.city.minoh.lg.jp/>

■大阪府の情報

・おおさか防災ネット（対応言語：日本語、英語、中国語、韓国・朝鮮語）
■<http://www.osaka-bousai.net/>

■Tin tức từ thành phố Minoh

・(Radio)Tackey 816 Minoh FM (FM81.6MHz)

・(E-mail)E-mail an toàn thị dân (tiếng Nhật, Anh)
■<http://anzen.minoh.net/>

■ Phổ biến thông tin trên Line (@minohcity) và Twitter (@Minoh_Anzen). (tiếng Nhật)

・(website)Tin khẩn (tiếng Nhật, Anh)
■<https://www.city.minoh.lg.jp/>

■Tin tức từ tỉnh Osaka

・Mạng phòng nạn Osaka (tiếng Nhật, Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc - Triều Tiên)
■<http://www.osaka-bousai.net/>

LINE

Twitter

■Liên lạc：Phòng kế sách an toàn thị dân

■Số dt：072-724-6750

■https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/seikatsugaido_saigai.html

- Công tác chuẩn bị thường ngày là tối cần thiết
- ・Hãy đọc “Hộ chiếu sinh mạng”

Có hướng dẫn cụ thể các bước cần thiết khi xảy ra thiên tai.
https://www.city.minoh.lg.jp/bunka/multilingual_disaster.html

・Hãy tìm hiểu về “Bản đồ phòng nạn thành phố Minoh”

Hãy xác định nơi lánh nạn, hoặc tìm hiểu rõ khu vực đang sống có nằm trong khu vực cảnh báo hay không.

・Bàn bạc với gia đình, bạn bè

Các thành viên trong gia đình nên thống nhất cách thức liên lạc và nơi tập trung khi xảy ra thiên tai.

・Hãy chuẩn bị nước và lương thực đủ dùng trong ba ngày

Nước：mỗi người 3 lít nước một ngày

Thức ăn：đồ hộp, lương khô, đồ ăn sẵn

Mua tích trữ thường xuyên, những đồ có hạn sử dụng ngắn thì dùng trước để trong kho luôn có thực phẩm tươi mới.

Chuẩn bị túi phòng nạn（dưới đây chỉ nêu một số ví dụ）	
☐ Một lít nước và thức ăn	☐ Đèn pin, radio
☐ Pin	☐ Khăn giấy ướt
☐ Còi	☐ Các loại thuốc thường dùng
☐ Kính sát trùng, mắt kính	☐ Băng vệ sinh
☐ Sữa bột cho trẻ, tã	
☐ Hộ chiếu, thẻ lưu trú và các giấy tờ tùy thân	
☐ Copy thẻ bảo hiểm	☐ Tiền mặt

Hãy chuẩn bị những vật dụng cần thiết hoặc những vật dụng không thể thay thế bằng đồ dùng của người khác

地震編

日本は地震が多い国です。地震のあとに火事が起こることもあります。電気や水道、ガスが止まったり、電車やバス、インターネットが使えなくなることもあります。

地震が起こったら、まず、机の下に隠れるなど、自分の身の安全を守ってください。

ガラスが割れて床に落ちていることがあります。家の中でも靴を履いてください。

ガス器具の火を消し、元栓を開けてください。

ドアを開けて出口を確保してください。

台風・豪雨編

台風や大雨が来る前に、新しい情報をテレビやラジオ、インターネットなどで確かめてください。

緊急の場合以外は外に出ないでください。

川、みぞ、マンホールには近づかないでください。

台風・地震共通

大きな災害のときには、避難所ができます。

近くの避難所は、「箕面市防災マップ」で確かめてください。

■https://www.city.minoh.lg.jp/bousai/hazardmap/hazardmap_top.html

動 地 土

日本は国が通常起こる地震。その後地震通常発生火災。今現在各種利便設備如電車、バス、公共交通通信如internet、各種生活如電、ガス、水通常は止まる、壊れ或は動作不能。

地震発生時、

1

Hãy chui xuống bàn để giữ an toàn cho bản thân.

2

Kính vỡ hoặc đồ dùng thường rơi trên sàn nên phải mang sẵn giày dù đang ở trong nhà.

3

Tắt và khóa nguồn ga. Mở cửa để có thể thoát ra ngoài.

暴 雨 大

1

Chú ý và cập nhật tin tức thông qua radio, tv, internet trước khi bão hoặc mưa lớn kéo đến.

2

Hạn chế ra ngoài trừ trường hợp khẩn cấp.

3

Tránh xa các nơi có sông, suối, kênh, rạch, nắp cống.

Phần chung cho bão, động đất

地震発生時、避難所は各地に設けられます。

避難所を事前に確認するため「Minoh市防災マップ」。

■https://www.city.minoh.lg.jp/bousai/hazardmap/hazardmap_top.html

救急・医療あんしんカードの書き方については次のページをご覧ください。

Xin tham khảo hướng dẫn cách viết thẻ cấp cứu an toàn y tế ở trang tiếp theo

あなたについて教えてください

Hãy cho biết về bạn

名前 **Tên**

国籍 **Quốc tịch**

住所 **Địa chỉ**

電話 **Số điện thoại**

よく行く病院の名前 **Tên bệnh viện thường đến**

病院の住所・電話 **Địa chỉ, số điện thoại bệnh viện**

誕生日 **Ngày sinh**

話せる言葉 **Ngôn ngữ nói được**

緊急連絡先

Địa chỉ liên lạc khẩn cấp

名前・TEL (家族など) **Tên・số điện thoại (người thân, gia đình)**

名前・TEL (日本語が話せる友人など) **Tên・số điện thoại (người quen nói được tiếng Nhật)**

英語のみ、箕面市立病院に週2回通訳があります。通訳にお金はいりません。

他の言語はMAFGAに相談してください。

Nếu ngôn ngữ sử dụng là tiếng Anh thì tuần hai lần sẽ có thông dịch viên làm việc tại bệnh viện công lập Minoh. Không mất phí thông dịch.

Những ngôn ngữ khác, xin hỏi qua văn phòng hiệp hội giao lưu quốc tế MAFGA.

箕面市立病院 **Bệnh viện công lập Minoh**
TEL 072-728-2001 URL <https://www.minoh-hp.jp/>

箕面市国際交流協会 (MAFGA) **Hiệp hội giao lưu quốc tế Minoh (MAFGA)**
TEL 072-727-6912 URL <https://mafga.or.jp/>

みのお外国人医療サポートネット **Mạng hỗ trợ y tế cho người ngoại quốc Minoh**
URL <http://mmedinet.seesaa.net/>

発行元：箕面市文化国際室

出版：国際文化センター、Minoh市庁舎

3

4

「救急・医療あんしんカード」を準備しておこう

Chuẩn bị “Thẻ cấp cứu an toàn y tế”

■問い合わせ：文化国際室 ■電話：072-724-6769
■<https://www.city.minoh.lg.jp/multilingual/index.html>

病院・医療機関に行くときや、
いざというきのために

- ・「救急・医療あんしんカード」は病院で、よく聞かれる情報です。事前に書いて準備しておいてください。上記 URL からダウンロードできます。
- ・突然の事故や病気で救急車を呼んだとき、このカードを救急車のの人に見せて、自分の情報を伝えてください。
- ・財布やカードケースの中に入れて持ち歩いてください。

<119 番に電話するとき>

119（火事・救急（病気・けが））は18言語で対応できます。オペレーターに言語を伝えてください。

- 対応言語：日本語、英語、中国語、韓国・朝鮮語、スペイン語、ポルトガル語、ベトナム語、タガログ語、インドネシア語、タイ語、マレー語、ミャンマー語、クメール語、ネパール語、ドイツ語、フランス語、イタリア語、ロシア語
- 1）「火事」か「救急（病気・けが）」か、言います。
 - 2）自分の名前、自分の電話番号、今いるところ（住所や建物の名前）を言います。

<カードに書くときの注意点>

日本語がローマ字で書き、病院や救急の人が見ても、読めるようにしてください。

■ Liên lạc：Phòng văn hóa quốc tế ■ Sdt：072-724-6769
■ <https://www.city.minoh.lg.jp/multilingual/index.html>

Chuẩn bị cho lúc xảy ra bất trắc, lúc đi bệnh viện

- ・ Ghi sẵn ra giấy các thông tin thường được hỏi khi đi khám. Có thể tải thông tin ở link phía trên.
- ・ Trường hợp gọi xe cấp cứu, hãy đưa thẻ này cho nhân viên cứu hộ để dễ dàng xác minh các thông tin cần thiết.
- ・ Để trong ví, hộp đựng thẻ và thường xuyên mang theo bên mình.

<Lúc gọi 119>

119（hỏa hoạn・cấp cứu）có thể tiếp chuyện được bằng 18 ngôn ngữ khác nhau.

Lúc gọi hãy báo cho nhân viên biết ngôn ngữ mình muốn sử dụng.

Ngôn ngữ：Nhật, Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc-Triều Tiên, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Việt Nam, Tagalog, Indonesia, Thái Lan, Mã Lai, Miến Điện, Khmer, Nepal, Đức, Pháp, Ý, Nga

- 1) Trước hết báo rõ có hỏa hoạn hay cấp cứu（bệnh hoặc bị thương）
- 2) Báo tên, số điện thoại, địa chỉ nơi đang đứng.

<Lưu ý khi viết thẻ>

Viết bằng tiếng Nhật hoặc Romaji để nhân viên cứu hộ dễ dàng đọc được.



健康で安心して暮らすために

Sống vui sống khỏe

救急病院

■ 箕面市立病院 ■ 電話：072-728-2001
■ <https://minoh-hp.jp/>
夜や休日に病気になったときに行ってください。

■ 豊能広域こども急病センター ■ 電話：072-729-1981
■ <http://www.toyono-kodomo.jp/>
中学生までの子どもが、夜や休日に病気になったときに行ってください。

■ 受付時間：平日18:30～翌 6:30、土曜日14:30～翌6:30、日曜日・休祝日 8:30～翌 6:30

※豊能広域こども急病センターには、英語、中国語、韓国・朝鮮語の問診票があります。
■ <https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jemergency.html>

健康診査やがん検診

■ 問い合わせ：地域保健室
■ 電話：072-727-9507
健康についての相談や健康診査、がん検診などを無料で受けることができます。
■ <https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jcheckups.html>

予防接種

■ 問い合わせ：子どもすこやか室
■ 電話：072-724-6768
決められた医療機関で決められた年齢の場合、無料で受けることができます。
インフルエンザの予防接種は任意です。一部、助成を受けることができます。

Bệnh viện cấp cứu

■ Bệnh viện công lập Minoh ■ Sdt: 072-728-2001 ■ <https://minoh-hp.jp/>
Hãy đến trong trường hợp bị bệnh trong đêm hoặc ngày nghỉ.

■ Trung tâm cấp cứu nhi đồng Toyono ■ Sdt: 072-729-1981
■ <http://www.toyono-kodomo.jp/>

Dành cho các trẻ từ trung học cơ sở trở xuống trong trường hợp bị bệnh trong đêm hoặc ngày nghỉ.

■ Thời gian: ngày thường từ 18:30 đến 6:30 sáng thứ bảy từ 14:30 đến 6:30 sáng, chủ nhật, ngày nghỉ từ 8:30 đến 6:30 sáng

※Tại đây có phiếu khám bằng tiếng Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc-Triều Tiên.

■ <https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jemergency.html>



Kiểm tra sức khỏe, ung bướu

■ Liên lạc：Phòng y tế địa phương
■ Sdt：072-727-9507

Sẽ được hoàn toàn miễn phí khi kiểm tra sức khỏe, ung bướu, cũng như tiếp nhận tư vấn thể chất.

■ <https://www.city.minoh.lg.jp/jinken/kokusai/guidebook/jcheckups.html>

Tiêm phòng

■ Liên lạc：Phòng sức khỏe nhi đồng
■ Sdt: 072-724-6768

Sẽ được tiêm phòng miễn phí nếu trẻ vẫn đang trong độ tuổi được

tiêm phòng. Tiêm phòng về siêu vi thì không nằm trong hạng mục này,

và sẽ được hỗ trợ một phần chi phí.



医療通訳について

■ 同行・通訳ボランティア【みのお外国人医療サポートネット】
病院・医療機関への同行通訳や、保健・医療についての相談を無料ですることができます。
■ 言語：英語、中国語、韓国・朝鮮語、スペイン語、タイ語など（その他の言語については、相談してください。）

■ 連絡先

【箕面市国際交流協会（MAFGA）】

● 火～土 9:00～17:15
■ 電話：072-727-6912 ■ メール：info@mafga.or.jp

【みのお外国人医療サポートネット】

● 火～土 17:15～19:00、日・月・祝日 9:00～19:00
■ 電話：090-5060-3849 ■ メール：mmedinet@i.softbank.jp
■ 中国語専用：090-6051-3849
■ 中国語専用：jimian@yahoo.co.jp

■ 箕面市立病院

■ 電話：072-728-2001

■ <https://minoh-hp.jp/>

英語の通訳ボランティアがいます。診察を受けるとき、通訳を依頼することができます。当日、受付で申し込んでください。

■ 通訳がいる日時：火・木 9:00～12:00



Thông dịch trong y tế

■ Hỗ trợ dịch thuật【Mạng hỗ trợ y tế cho người ngoại quốc Minoh】

Hỗ trợ thông dịch miễn phí lúc đi bệnh viện, hoặc tư vấn về bảo hiểm y tế.

■ Ngôn ngữ: tiếng Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc-Triều Tiên, Tây Ban Nha, Thái Lan v.v...（các ngôn ngữ khác xin liên lạc trước）

■ Địa chỉ liên lạc

【Hiệp hội giao lưu quốc tế Minoh（MAFGA）】

● Từ thứ ba đến thứ bảy lúc 9:00～17:15
■ Sdt：072-727-6912 ■ E-mail：info@mafga.or.jp

【Mạng hỗ trợ y tế cho người ngoại quốc Minoh】

● Từ thứ ba đến thứ bảy lúc 17:15～19:00
chủ nhật・thứ hai・ngày lễ lúc 9:00～19:00
■ Sdt：090-5060-3849 ■ E-mail：mmedinet@i.softbank.jp

■ Trường hợp là tiếng Trung Quốc：Sdt：090-6051-3849

■ Trường hợp là tiếng Trung Quốc：jimian@yahoo.co.jp

■ Bệnh viện công lập Minoh

■ Sdt：072-728-2001 ■ <https://minoh-hp.jp/>

Có thông dịch tiếng Anh. Hãy đăng ký để được hỗ trợ thông dịch khi đi khám bệnh.

■ Ngày có thông dịch viên：thứ ba・thứ năm từ 9:00～12:00

